

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST
Ngày 01-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2019/QĐXXST – DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Hồng M, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

+ Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

+ Chị Huỳnh Thu P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện TV, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 11/6/2019 nguyên đơn chị Trịnh Hồng M trình bày: Chị tham gia chơi 02 dãy hội do chị Huỳnh Thu P và anh Trịnh Văn L làm chủ cụ thể như sau:

Hội 6.000.000 đồng khai ngày 25/12/2015, chị chơi 01 chân góp được 5 kỳ bằng 19.850.000 đồng;

Hội tháng 2.000.000 đồng khai ngày 25/6/2017, gồm 25 chân, chị tham gia 02 chân góp được 11 kỳ bằng 34.000.000 đồng;

Do chị P và anh L đình hui nhưng đến nay không thanh toán hoàn lại cho chị tiền đã góp, nên chị kiện đòi lại tổng 53.850.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày đình hui (ngày 01/5/2018) đến nay theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chị Huỳnh Thu P và anh Trịnh Văn L không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung chị M khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thu P và anh Trịnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do; chị Trịnh Hồng M vắng mặt có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, chị P và anh L là đúng quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng có tham gia 02 dây hui do chị Huỳnh Thu P và anh Trịnh Văn L làm chủ, hui 6.000.000 đồng khai ngày 25/12/2015, chị chơi 01 chân góp được 5 kỳ bằng 19.850.000 đồng; hui tháng 2.000.000 đồng khai ngày 25/6/2017, gồm 25 chân, chị tham gia 02 chân góp được 11 kỳ bằng 34.000.000 đồng. Chứng cứ chị M cung cấp là biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 tại ấp Chông Mỹ, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời có nội dung chị P thừa nhận có thiếu số tiền hui như chị M trình bày. Ngoài ra, tại biên bản ngày 21/6/2019 chị Huỳnh Thu P xác định có nợ chị M tiền góp vào của 02 dây hui tổng bằng 53.850.000 đồng. Đối với anh L không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của chị M. Điều này cho thấy anh L thừa nhận có nợ tiền hui của chị M đúng như chị M trình bày. Do đó, có cơ sở chứng minh chị P và anh L mở hui làm chủ đầu thảo và đến khi đình hui còn nợ lại chị M tiền góp vào bằng 53.850.000 đồng, nên chị M kiện đòi lại là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Đối với lãi suất: Do chị P và anh L đình hui ngày 01/5/2018 nhưng không hoàn trả lại tiền chị M đã góp là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, vi phạm hợp đồng nên phải chịu tiền lãi suất theo quy định pháp luật (1,66%/tháng) là có cơ sở. Tiền lãi từ ngày 01/5/2018 đến ngày 01/7/2019 được tính: 53.850.000 đồng x 1,66% x 14 tháng = 12.514.000 đồng.

[4] Như vậy, tổng vốn và lãi chị P và anh L phải trả cho chị M bằng 66.364.000 đồng. Chị P và anh L đã ly hôn ngày 21/02/2019, nên mỗi người có trách nhiệm trả ½ cho chị M.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ –

CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M.

Buộc chị Huỳnh Thu P phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Trịnh Hồng M số tiền 33.182.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Buộc anh Trịnh Văn L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Trịnh Hồng M số tiền 33.182.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị P và anh L mỗi người phải chịu 1.659.100 đồng. Chị M không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho chị M số tiền dự nộp 1.850.000 đồng tại biên lai số 0003071 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Quốc Kiên